



ISSN
1859-3968

TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
Tập 20, Số 3 (2020): 45-54

Email: Tapchikhoahoc@hvu.edu.vn Website: www.hvu.edu.vn

JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
HUNG VUONG UNIVERSITY
Vol. 20, No. 3 (2020): 45-54

MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NHÓM NGÀNH ĐẠI HỌC NGÔN NGỮ THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

Vũ Thị Quỳnh Dung^{1*}

¹Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hùng Vương, Phú Thọ

Ngày nhận bài: 12/6/2020; Ngày chỉnh sửa: 15/9/2020; Ngày duyệt đăng: 16/9/2020

Tóm tắt

Đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng là một hướng đi đúng đắn của nhiều trường đại học trong bối cảnh nhiều sinh viên ra trường không đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng lao động. Theo định hướng này, song song với việc tích lũy kiến thức, sinh viên thực sự được tiếp cận, thực hành các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết với thái độ nghề nghiệp đúng đắn để có thể bắt tay vào làm việc ngay sau khi tốt nghiệp. Bài viết đưa ra một số giải pháp để thực hiện chương trình đào tạo nhóm ngành Ngôn ngữ theo hai định hướng nghề nghiệp ứng dụng Biên phiên dịch kết hợp văn phòng và định hướng Du lịch giúp cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh và Ngôn ngữ Trung Quốc có đủ năng lực làm việc trong môi trường toàn cầu hóa.

Từ khóa: Thực hiện chương trình, ngôn ngữ, định hướng nghề nghiệp, giải pháp.

1. Đặt vấn đề

Trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, nhóm ngành đào tạo ngoại ngữ luôn được đánh giá là nhóm ngành có tiềm năng do nhu cầu về nguồn nhân lực ngoại ngữ là rất lớn với cơ hội việc làm như biên phiên dịch, văn phòng, du lịch, tiếp viên hàng không, marketing, xuất nhập khẩu... Cơ hội việc làm của người học cũng đặt ra thách thức cho các trường đại học phải cân nhắc khi xây dựng chương trình đào tạo các ngành này nên theo định hướng nào, tiếp cận theo cách nào để giúp người học vừa đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng mà vẫn đảm bảo được sức mệnh, tầm nhìn của mình.

Điều 9 Luật Giáo dục Đại học 2012 và Điều d Khoản 2 Điều 77 Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014 đã quy định cụ thể việc phân tầng các cơ sở giáo dục đại học để phục vụ công tác quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội thành 3 nhóm: a) Cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; b) Cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng; c) Cơ sở giáo dục định hướng thực hành. Căn cứ việc phân tầng này, các trường đại học sẽ quyết định việc xây dựng, phát triển chương trình đào tạo các ngành của trường mình theo hướng tiếp cận nội dung, mục tiêu, phát triển hay năng lực để phù hợp với

*Email: quynhdzung@hvu@gmail.com

định hướng, mục tiêu đã đề ra, góp phần giải quyết bài toán việc làm cho sinh viên sau khi ra trường [1,2].

Trường Đại học Hùng Vương được thành lập ngày 29 tháng 4 năm 2003 theo Quyết định số 81/2003/QĐ-TTg. Nhà trường hiện có 43 ngành đào tạo trình độ sau đại học, đại học và trình độ thấp hơn thuộc các lĩnh vực Sư phạm, Nông Lâm, Kinh tế, Ngôn ngữ và Du lịch. Nhà trường đã xác định sứ mạng, tầm nhìn của mình đến năm 2030 Trường Đại học Hùng Vương sẽ trở thành một trong những trường đại học đa ngành đào tạo theo định hướng ứng dụng có uy tín cao trong khu vực. Người học sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực làm việc trong môi trường toàn cầu.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những đặc trưng cơ bản của chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng

Chương trình đào tạo là khâu quan trọng nhất trong quy trình đào tạo ở mọi cấp học. Theo Gatawa B.S.M (1990), Wentling (1993), chương trình đào tạo là bản kế hoạch tổng thể, hệ thống về toàn bộ các hoạt động đào tạo bao gồm: Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, nội dung đào tạo, phương thức đào tạo, hình thức tổ chức đào tạo, phương thức đánh giá kết quả đào tạo trong so sánh đối chiếu với chuẩn đầu ra [3,4].

Chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (Professional - Oriented Higher Education - POHE) là chương trình đào tạo được xây dựng dựa vào cách tiếp cận năng lực (sự kết hợp chặt chẽ giữa kiến thức - kỹ năng - thái độ) giúp sinh viên giảm thời gian học lý thuyết,

tăng thời gian thực hành, trải nghiệm đúng chuyên ngành học, nâng cao năng lực nghề nghiệp của sinh viên, sẵn sàng tham gia vào các ngành nghề cụ thể ngay sau khi tốt nghiệp. Đây chính là thực hiện mục tiêu đào tạo “theo nhu cầu xã hội” [5].

Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng có 5 đặc trưng cơ bản như sau:

2.1.1. Chương trình đào tạo mở và dựa vào năng lực

Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng là chương trình mềm dẻo, linh hoạt, để thích hợp cho việc điều chỉnh tương thích với những thay đổi của thị trường lao động. Mỗi ngành nghề cần thành lập một Hội đồng Công giới để làm cầu nối giữa “thế giới học tập” và “thế giới nghề nghiệp”. Hội đồng Công giới giúp cho các trường đại học nắm bắt được những biến động xảy ra ở thị trường lao động, kịp thời cập nhật chương trình đào tạo.

Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng được thiết kế dựa trên hồ sơ năng lực, là tập hợp các năng lực thể hiện các phẩm chất cốt yếu mà nhà tuyển dụng mong muốn sinh viên tốt nghiệp được trang bị trong quá trình học tập. Hồ sơ năng lực là kết quả điều tra nhu cầu của thị trường lao động trước khi xây dựng chương trình đào tạo.

2.1.2. Xác định phẩm chất nghề nghiệp của sinh viên rõ ràng

Trong thời đại công nghệ 4.0 hiện nay, các phẩm chất nghề nghiệp cơ bản của một sinh viên sau khi tốt nghiệp bao gồm:

- + Có tính thích ứng và phổ rộng, liên ngành.
- + Có thể ứng dụng khoa học kỹ thuật vào thực tiễn và chuyên giao công nghệ.

+ Có khả năng giải quyết vấn đề và làm việc theo cách giải quyết vấn đề.

+ Được đào tạo kỹ năng mềm như kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng quản lý, kỹ năng giao tiếp...

+ Có khả năng tự thể hiện tư duy và hành động, làm việc có tính tổ chức, tính sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm.

+ Có khả năng học tập suốt đời, cập nhật kiến thức chuyên môn và tiến bộ của nhân loại.

2.1.3 Có sự tham gia của thị trường lao động vào quá trình đào tạo

Việc hợp tác chặt chẽ với thế giới nghề nghiệp là một phần không thể thiếu trong thực hiện chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng. Thông qua Hội đồng Công giới, thế giới nghề nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo thông qua các hoạt động như tài trợ kinh phí các hoạt động đào tạo, tiếp nhận sinh viên tham quan thực tế, thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp tại đơn vị, giảng dạy, tư vấn nghề nghiệp, tham gia đánh giá kết quả học tập của sinh viên... Sự phối hợp giữa thị trường lao động và trường đại học trong quá trình đào tạo giúp cho sinh viên tiếp cận thực tế công việc, nhận thức rõ các yêu cầu của đơn vị tuyển dụng để học tập, rèn luyện đáp ứng các yêu cầu đó.

2.1.4. Phương pháp học để phát triển năng lực

Là phương pháp học tập trung vào những gì người học có thể làm được sau khi được đào tạo. Năng lực của người học bao gồm ba thành tố cơ bản: kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp. Các năng lực cốt lõi của một chương trình đào tạo theo định hướng

nghề nghiệp ứng dụng bao gồm các năng lực chuyên môn và các năng lực “mềm”. Trong hồ sơ năng lực, từng năng lực lại được chia theo các cấp độ từ đơn giản đến phức tạp với tình huống cụ thể ở mỗi cấp độ. Hoàn thành được một đơn vị học tập, dù lớn hay nhỏ, sinh viên đều phải đạt được năng lực để giải quyết một vấn đề trong nghề nghiệp tương lai.

2.1.5. Sự kết hợp của các phương pháp sư phạm

Trong quá trình đào tạo, người dạy, người học, nội dung học tập được coi là ba thành tố cơ bản trong “tam giác sư phạm”. Theo phương pháp truyền thống, người dạy đóng vai trò truyền thụ kiến thức, nội dung học tập là các khối kiến thức mang tính học thuật là chủ yếu, người học tiếp thu kiến thức một cách thụ động. Trong đào tạo theo định hướng ứng dụng, vai trò của người thầy chuyển sang làm người hướng dẫn, huấn luyện viên, các nội dung học tập được thiết kế thành các mô đun, mỗi mô đun lại có yêu cầu năng lực cụ thể sinh viên cần đạt được sau khi kết thúc một nội dung học tập.

Để đạt được mục tiêu đề ra, sự kết hợp các phương pháp sư phạm trong đào tạo theo định hướng ứng dụng là rất cần thiết. Các phương pháp sư phạm phổ biến cho mô đun lý thuyết bao gồm: Thuyết trình, thảo luận nhóm, seminar..., các phương pháp có thể dùng cho các mô đun thực hành gồm có: giải quyết vấn đề, thực hành theo công việc, viết báo cáo, làm bài tập lớn, thực hiện dự án, thực hành thí nghiệm... Giảng viên cần biết lựa chọn, phối hợp các phương pháp sư phạm sao cho phù hợp nhất và đạt hiệu quả cao nhất trong hình thành, rèn luyện và phát triển năng lực cho sinh viên.

Theo Judy McKimn (2003), việc thực hiện chương trình đào tạo là một trong bốn khâu quan trọng của chu trình phát triển chương trình đào tạo: 1) Đánh giá nhu cầu; 2) Thiết kế chương trình; 3) Thực hiện chương trình; 4) Đánh giá kết quả đầu ra. Kết quả của giai đoạn này là tiền đề, là điều kiện tiên quyết cho sự thành công của giai đoạn sau, trong đó việc thực hiện chương trình đào tạo mang yếu tố then chốt vì nó có sự tham gia trực tiếp của các bên liên quan, đặc biệt là giảng viên và sinh viên và nó quyết định đến chất lượng đào tạo của một ngành cụ thể [6].

2.2. Chương trình đào tạo nhóm ngành Ngôn ngữ tại Trường Đại học Hùng Vương

Nhóm ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Hùng Vương bao gồm hai ngành: Đại học Ngôn ngữ Anh và Đại học Ngôn ngữ Trung Quốc. Các chương trình đào tạo đều đã được chuyển đổi từ hình thức đào tạo niên chế sang đào tạo theo tín chỉ từ năm 2009 cho khóa K₉. Kể từ đó đến nay, chương trình đã rà soát, điều chỉnh 3 lần cho các khóa K11, K14, K16.

Chương trình đào tạo hiện tại được rà soát, điều chỉnh năm 2018 cho từ K16 trở đi. Chương trình được điều chỉnh khởi đầu bằng việc đánh giá lại chương trình cũ dành cho K13 đến K15, sau đó dựa trên kết quả khảo sát nhu cầu sử dụng lao động, khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng là các cơ quan nhà nước như Sở Ngoại vụ tỉnh Phú Thọ, Trung tâm Xúc tiến Du lịch trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Phú Thọ, các công ty có sử dụng lao động có trình độ ngoại ngữ tiếng Anh, tiếng Trung Quốc như Công ty TNHH Luxshare ICT, Tập đoàn KHKT Hồng Hải, Công ty TNHH Hiệp Nguyên,

Công ty TNHH Corpall Việt Nam... Kết quả điều tra khảo sát việc làm của các cựu sinh viên từ K10 - K13 Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc (145 sinh viên) cũng là một căn cứ để rà soát điều chỉnh chương trình mới. Bên cạnh đó, việc xây dựng chương trình còn dựa trên kết quả tham khảo chương trình đào tạo của các trường Đại học Thái Nguyên, Đại học Hồng Đức, Đại học Nha Trang, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Macquarie (Australia).

Thực trạng dựa theo kết quả đánh giá, khảo sát, lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động cho thấy một vài tồn tại sau: Thứ nhất, chương trình đào tạo cũ chưa dành nhiều thời gian cho phát triển năng lực ngôn ngữ (chỉ có 32 tín chỉ chiếm 27% dành cho 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết), vẫn còn khá nhiều học phần đại cương về lịch sử, địa lý (6 học phần cả bắt buộc và tự chọn). Thứ hai, chương trình đào tạo chưa có các định hướng rõ ràng cho sinh viên về kỹ năng nghề nghiệp cụ thể; sinh viên mới ra trường đi làm còn thiếu tự tin về từ vựng chuyên ngành (62%), kỹ năng văn phòng, kỹ năng tin học, kỹ năng mềm (45%), kết quả này cũng trùng với ý kiến của nhà tuyển dụng. Ba nhóm công việc chính mà sinh viên làm sau khi tốt nghiệp là biên phiên dịch kiêm văn phòng (64%), du lịch (22%), công việc khác như du học, học tiếp cao học, giáo dục hoặc kinh doanh chỉ chiếm 14%. Chương trình cũng chưa dành thời lượng cụ thể cho báo cáo chuyên đề, thực tế nghề nghiệp, chưa có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động nào trong đào tạo trừ 2 học phần thực tập sinh viên được gửi về doanh nghiệp với thời lượng là 8 tín chỉ chia làm 2 ở học kỳ 6 và học kỳ 8. Trước khi đi thực tập, sinh viên cũng chưa định hình được mình sẽ

phải làm gì ở doanh nghiệp, chưa biết mình nên chọn doanh nghiệp nào để thực tập. Từ kết quả điều tra khảo sát và đánh giá các tồn tại của chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh và Ngôn ngữ Trung Quốc cho K13, hai bộ môn quản lý ngành đào tạo đã rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo cho nhóm ngành Ngôn ngữ theo định hướng nghề nghiệp bao gồm hai định hướng chính đó là định hướng biên phiên dịch kết hợp văn phòng và định hướng du lịch. Các định hướng này đều có yêu cầu về chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp khác nhau thể hiện trong các nội dung học phần theo định hướng nghề nghiệp.

Về mục tiêu đào tạo của nhóm ngành Ngôn ngữ đã được rà soát, điều chỉnh hướng đến việc cung cấp cho người học các khối kiến thức, rèn luyện các kỹ năng và hình thành, rèn luyện thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp... Cụ thể là:

+ Nắm vững kiến thức về thực hành tiếng, lý thuyết tiếng, kiến thức về văn hóa các nước bản địa, kiến thức về lý thuyết biên phiên dịch.

+ Thành thạo kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, hành chính văn phòng, biên phiên dịch, du lịch.

+ Có kỹ năng phản biện, biết phát hiện và giải quyết các vấn đề trong công việc.

+ Có kỹ năng giao tiếp trong môi trường công sở, có năng lực sử dụng ngoại ngữ 2 trong giao tiếp, sử dụng các ứng dụng tin học cơ bản trong công việc và khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong môi trường quốc tế.

+ Có tinh thần trách nhiệm, có tinh tổ chức, kỷ luật.

+ Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt đáp ứng yêu cầu công việc.

Xác định mục tiêu đào tạo là căn cứ để xác định chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Chuẩn đầu ra (PLO - Programme Learning Outcome) các ngành Ngôn ngữ gồm có 12 yêu cầu, chia làm ba nhóm: 5 chuẩn đầu ra về kiến thức, 4 chuẩn đầu ra về kỹ năng và 3 chuẩn đầu ra về thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp trong đó quy định rõ sinh viên khi tốt nghiệp nắm vững kiến thức về nền văn hóa các nước bản địa để ứng dụng trong giao tiếp, có so sánh được sự tương đồng và khác biệt với nền văn hóa Việt Nam; nắm vững kiến thức về chuyên ngành ngôn ngữ để có thể áp dụng trong thực hành tiếng tương đương bậc 5/6 Khung năng lực Ngoại ngữ của Việt Nam, nắm vững kiến thức về lý thuyết biên phiên dịch để thực hiện hiệu quả các hoạt động biên phiên dịch theo yêu cầu của công việc; nắm vững lý thuyết về nghiệp vụ văn phòng, du lịch để đáp ứng yêu cầu nhà tuyển dụng; có kỹ năng Tin học cơ bản tương đương trình độ B, có năng lực sử dụng ngoại ngữ 2 tương đương bậc 3/6 Khung năng lực Ngoại ngữ của Việt Nam; có kỹ năng nghề nghiệp theo hồ sơ năng lực quy định như kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; có tinh thần trách nhiệm và tinh thần cầu thị trong công việc.

Trong quá trình rà soát, điều chỉnh, một số học phần trong chương trình đào tạo cũng được loại bỏ và thay thế, lồng ghép do không đóng góp cụ thể cho chuẩn đầu ra và tăng thời lượng cho thực hành các kỹ năng nghe,

nói, đọc, viết, biên dịch, phiên dịch. Tương tự, một số nội dung cũng được thu gọn thông qua việc ghép học phần Văn hóa Anh (2 tín chỉ) và học phần Văn hóa Mỹ (2 tín chỉ) thành học phần Văn hóa các nước nói tiếng Anh (3 tín chỉ); ghép học phần Từ vựng học (2 tín chỉ) và học phần Ngữ nghĩa học (2 tín chỉ) thành học phần Từ vựng - Ngữ nghĩa học (3 tín chỉ)... Nhằm tăng thời lượng thực hành tiếng, học phần Biên phiên dịch từ 32 tín chỉ thành 46 tín chỉ. Về định hướng nghề nghiệp, các học phần theo định hướng nghề nghiệp được bổ sung bao gồm: Tiếng Anh Du lịch (2 tín chỉ), Tiếng Hán Du lịch (2 tín chỉ), Tiếng Anh Thư tín thương mại (2 tín chỉ), Tiếng Hán Thương mại (2 tín chỉ), Tiếng Anh Văn phòng (2 tín chỉ), Tiếng Anh Nhà hàng, Khách sạn (2 tín chỉ), Lễ nghi học (2 tín chỉ), Rèn luyện nghiệp vụ (2 tín chỉ)... Ghép 2 học phần thực tập 1 và 2 từ kỳ 6, 8 thành 1 lần đi thực tập vào học kỳ 8 để thuận lợi cho việc thực tập nghề nghiệp khi sinh viên đã tích lũy đủ kiến thức, kỹ năng, lựa chọn được định hướng nghề nghiệp. Bên cạnh đó, khối lượng kiến thức lựa chọn cũng được tăng cường, bổ sung một số môn học, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên dễ dàng đăng ký học theo trình độ, khả năng và nguyện vọng khác nhau.

Cùng với việc rà soát về khung chương trình đào tạo, nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá cũng được lựa chọn cho phù hợp để giúp sinh viên hình thành các phẩm chất nghề nghiệp đã được xác định trong chuẩn đầu ra. Các phương pháp giảng dạy phổ biến là thuyết trình, thảo luận, thực hành, thực tập thực tế, báo cáo chuyên đề...; các phương pháp đánh giá tập trung đánh giá kỹ năng cốt lõi của

từng học phần bao gồm tự luận (đóng và mở), trắc nghiệm, thuyết trình, viết báo cáo, làm tiểu luận, bài tập môn học, và đặc biệt là có sự tham gia đánh giá của các nhà tuyển dụng trong một số học phần liên quan đến kỹ năng nghề nghiệp. Cơ sở vật chất phục vụ quá trình đào tạo như trang thiết bị trong phòng học, giáo trình, tài liệu, phần mềm học ngoại ngữ, cơ chế tài chính hỗ trợ giảng viên trong việc dạy học và quản lý tự học của sinh viên đều đã được xem xét, tính toán để đề xuất với nhà trường đảm bảo tính khả thi thực hiện chương trình.

2.3. Một số giải pháp thực hiện chương trình đào tạo nhóm ngành Ngôn ngữ theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng

Để thực hiện tốt chương trình đào tạo nhóm ngành Ngôn ngữ đã điều chỉnh theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp, cần thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

2.3.1. Chương trình đào tạo cần có sự tham gia sâu của đơn vị sử dụng lao động trong quá trình đào tạo

Đây là yếu tố cốt lõi của chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp. Không có sự tham gia của các nhà sử dụng lao động trong thiết kế chương trình đào tạo, sinh viên khó được tiếp cận với các chuyển đổi thực tế, các báo cáo chuyên đề, không được tiếp xúc với môi trường làm việc thực tế tại các công ty, doanh nghiệp. Các kiến thức sinh viên tiếp nhận trên giảng đường sẽ chỉ mang tính hàn lâm và thiếu thực tiễn. Đặc biệt với chương trình các ngành Ngoại ngữ, sinh viên không có kỹ năng biên phiên dịch thực tế, không được trực tiếp thực hiện các kỹ năng văn phòng (phân loại, xử lý công văn, lập kế hoạch), không được trực tiếp giải

quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tham gia dẫn tour (đặt vé, đặt phòng, lên lịch trình...) thì không thể hình thành và rèn luyện các năng lực nghề nghiệp cần có của một sinh viên ngoại ngữ sau khi tốt nghiệp.

Để tăng tính hiệu quả trong hoạt động giáo dục, mỗi ngành đào tạo cần có bộ phận kết nối mật thiết giữa nhà trường và một số doanh nghiệp có nghề nghiệp đặc thù liên quan đến yếu tố sử dụng ngoại ngữ để thường xuyên cập nhật nội dung chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của thực tiễn công việc. Bên cạnh đó, sau 2 năm đầu dành cho việc thành thạo kỹ năng thực hành tiếng, sinh viên cần được tham quan thực tế công việc tại các đơn vị sử dụng lao động để quan sát, học hỏi, tham gia các buổi báo cáo các vấn đề thực tiễn, giao lưu, tư vấn nghề nghiệp của các chuyên gia từ các đơn vị tuyển dụng. Việc này giúp cho sinh viên hiểu rõ hơn về các định hướng của ngành đào tạo mình đang theo học, qua đó có thể lựa chọn đúng nghề nghiệp với các học phần/mô đun theo năng lực, sở trường của mình.

Trong 2 năm sau đào tạo định hướng nghề nghiệp, đối với một số học phần như Tiếng Anh/Tiếng Trung hành chính văn phòng, Tiếng Anh thư tín thương mại, Tiếng Anh/Tiếng Hán du lịch nên phân chia và sắp xếp thời gian học trên giảng đường và thời gian thực hành tại doanh nghiệp một cách hợp lý, thuận lợi để doanh nghiệp có thể tham gia giảng dạy, sinh viên có cơ hội ứng dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tế công việc. Việc kết hợp giảng dạy theo hình thức trợ giảng hoặc thỉnh giảng của các giám đốc, trưởng phòng ban, bộ phận ở các doanh nghiệp với giảng viên nên được xem là một hoạt động thường xuyên, đặc biệt là đối với những môn học phục vụ đào tạo nghiệp vụ,

tác nghiệp hay thực tiễn cao. Song song với các học phần theo định hướng nghề nghiệp, sinh viên năm 3, năm 4 cần được tham gia các khóa học kỹ năng mềm do chính các doanh nghiệp tổ chức về văn hóa công sở, về các kỹ năng làm việc hiệu quả. Cuối cùng là học phần thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp và đánh giá chuẩn đầu ra về kỹ năng nghề nghiệp có sự tham gia của các đơn vị sử dụng lao động.

Sự đồng hành của doanh nghiệp trong quá trình đào tạo là điều kiện đảm bảo nhất cho sự thành công của chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng. Chỉ khi được thường xuyên tiếp xúc, thực hành nghề thì sinh viên mới thành thạo các kỹ năng làm việc cần thiết và có thái độ nghề nghiệp đúng đắn, không bỏ ngỡ khi tham gia thị trường lao động ngay sau khi tốt nghiệp.

2.3.2. Nâng cao năng lực đào tạo nghề nghiệp cho đội ngũ giảng viên

Giảng viên là yếu tố thiết yếu trong bất kỳ chương trình đào tạo nào. Trong các văn bản quy phạm quy định rõ nhiệm vụ của giảng viên bao gồm giảng dạy, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng nâng cao trình độ và tham gia các hoạt động đoàn thể. Tuy nhiên, giảng viên đảm nhiệm chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng không đơn thuần chỉ thực hiện các nhiệm vụ trên mà còn đóng vai trò chuyên gia trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu, là huấn luyện viên và là người đánh giá năng lực của sinh viên trong quá trình học tập. Chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng có mối liên hệ chặt chẽ với thị trường lao động nên giảng viên cần phải có các “cầu nối” tốt về vấn đề việc làm và có khả năng đại diện cho

nhà trường kết nối với thị trường lao động để liên tục cập nhật nội dung đào tạo và tạo mối quan hệ hợp tác.

Giảng viên ngoại ngữ chủ yếu được đào tạo bài bản về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp với lĩnh vực ngôn ngữ nên khi đảm nhiệm vai trò giảng viên của chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp chỉ có thể làm tốt kỹ năng biên phiên dịch. Đối với các kỹ năng đặc thù theo định hướng còn khá lúng túng, chủ yếu dựa vào khả năng tự học tập, nghiên cứu và kinh nghiệm bản thân. Do đó, việc tổ chức các khóa tập huấn, các giảng viên cần được khuyến khích hỗ trợ, tham gia vào quá trình thực tập của sinh viên. Nhà trường cần tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn về quản trị văn phòng, du lịch là cơ sở để giảng viên nắm vững thực tiễn, bổ sung cho kiến thức chuyên môn của mình.

2.3.3. Đa dạng hóa các hoạt động dạy - học và kiểm tra đánh giá theo định hướng ứng dụng

Để sinh viên có thể thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học thì giảng viên cần phải lựa chọn và đa dạng hóa các kỹ thuật dạy học, phương pháp dạy học tích cực và các hình thức kiểm tra đánh giá. Không có một phương pháp dạy học đơn lẻ nào là lý tưởng cả, do đó giảng viên cần biết kết hợp các phương pháp trong một bài dạy để phát huy hết ưu điểm của phương pháp đó, phù hợp với mục tiêu bài dạy, với chuẩn năng lực người học cần đạt được sau mỗi tiết học, mỗi môn học và sau khi học xong chương trình. Một vài các phương pháp dạy học tích cực thường được áp dụng khi dạy tiếng Anh, tiếng Trung bao gồm brainstorming, thảo luận nhóm, lập sơ đồ tư duy, đóng vai, giải quyết vấn đề, dạy học

theo dự án... Ví dụ: Trong học phần Tiếng Anh/Tiếng Hán Du lịch, giảng viên sẽ đưa ra các tình huống ở sân bay, ở khách sạn để sinh viên thảo luận tìm ra cách giải quyết, sau đó đóng vai theo cặp/nhóm để thể hiện tình huống đó. Hoặc với môn Tiếng Anh Văn phòng, giảng viên sẽ ra tình huống là khách hàng gọi điện đến công ty phàn nàn về chất lượng sản phẩm, sinh viên phải đóng vai để trả lời khách hàng, giải quyết tình huống sao cho khách hàng hài lòng mà vẫn không ảnh hưởng đến công ty... Các hoạt động này sẽ tránh cách dạy truyền đạt thông tin một chiều, tăng cường sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên, giữa sinh viên với sinh viên và quan trọng hơn cả là rèn luyện năng lực ngôn ngữ, năng lực xử lý tình huống, giải quyết vấn đề rất thực tế với công việc trong tương lai.

Bên cạnh đó, trong suốt khóa học, khoa và nhà trường cũng cần tổ chức nhiều hoạt động khác nhau như giao lưu với sinh viên quốc tế, sinh viên các trường trong khu vực, tổ chức các chuyên đề kỹ năng, hội thảo khoa học cùng hoạt động của các câu lạc bộ Ngoại ngữ, đội, nhóm, các hội thi Ngôn ngữ, thi nghiệp vụ... tạo nhiều cơ hội để sinh viên thực hành, phát triển kỹ năng mềm, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp.

Kiểm tra đánh giá kết quả học tập theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng chú trọng vào khả năng vận dụng sáng tạo tri thức trong những tình huống thực tế khác nhau. Đây cũng chính là hình thức kiểm tra đánh giá theo cách tiếp cận năng lực. Để đánh giá người học có năng lực nghề nghiệp ở một mức độ nào đó, cần tạo cho họ cơ hội được giải quyết vấn đề theo tình huống mang tính thực tiễn. Khi đó, người học vừa phải vận

dụng kiến thức, kỹ năng học được trong trường, vừa phải vận dụng kinh nghiệm bản thân học được từ gia đình và xã hội để giải quyết tình huống.

Việc kiểm tra đánh giá theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng ngành Ngôn ngữ không nên gói gọn trong một bài kiểm tra trên giấy vào cuối môn học mà cần đa dạng nhiều hình thức như kiểm tra đánh giá qua thực hành, qua sản phẩm dự án, đánh giá cá nhân, đánh giá theo nhóm... Các hình thức kiểm tra đánh giá chú trọng vào quá trình thực hiện, vào phương pháp làm việc, vào sự hợp tác, vào năng lực cá nhân chứ không chú trọng đến tính thành tích. Đặc biệt hơn, việc đánh giá này còn có sự đánh giá chéo nhau của sinh viên và sinh viên, giúp sinh viên có sự tự nhận thức được năng lực của mình chứ không phụ thuộc hoàn toàn vào đánh giá của giảng viên. Ví dụ: Đối với học phần Văn hóa các nước nói Tiếng Anh, sinh viên có thể được giao làm việc theo nhóm nghiên cứu về một vấn đề như chính trị, kinh tế, luật pháp của một nước như Anh, Úc, New Zealand..., mỗi nhóm sẽ tìm hiểu, viết báo cáo, thuyết trình về kết quả nghiên cứu của nhóm mình, sinh viên trong nhóm có thể đánh giá kết quả lẫn nhau, các nhóm khác cũng đánh giá kết quả nghiên cứu của nhóm kia, và cuối cùng giảng viên đánh giá kết quả làm việc của từng nhóm.

Một đánh giá vô cùng quan trọng nữa là đánh giá chuẩn đầu ra kỹ năng nghề nghiệp vào cuối khóa có sự tham gia của nhà tuyển dụng nhằm đánh giá sinh viên có đủ năng lực thực hiện các công việc thực tế tại các đơn vị sử dụng lao động hay không. Trong buổi kiểm tra, các chuyên gia sẽ phỏng vấn trực tiếp từng sinh viên, đưa ra các tình huống thực tế để sinh viên giải quyết, vừa kiểm tra

năng lực ngôn ngữ, năng lực giao tiếp và năng lực nghề nghiệp của sinh viên.

3. Kết luận

Việc thực hiện chương trình đào tạo nhóm ngành Ngôn ngữ theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng trong thời điểm hiện tại là bước đi tất yếu để thực hiện sứ mệnh, tầm nhìn trong thời đại hiện nay. Chỉ khi thực hiện đồng bộ các giải pháp đề xuất trên cùng với sự quyết tâm đồng hành của nhà quản lý trong việc thực hiện cơ chế chính sách đãi ngộ với doanh nghiệp tham gia thực hiện chương trình, đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình và thiết lập, duy trì, mở rộng được mạng lưới quan hệ hợp tác với thế giới nghề nghiệp thì việc thực thi chương trình đào tạo nhóm ngành Ngôn ngữ nói riêng, các ngành đào tạo nói chung theo định hướng ứng dụng mới mang lại hiệu quả như mong muốn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2012). Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH₁₃.
- [2] Quốc hội CHXHCN Việt Nam (2014). Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH₁₃.
- [3] Gatawa B.S.M. (1990). The Politics of the School Curriculum: An Introduction. Harare: College Press, Zimbabwe.
- [4] Wentling T. (1993). Planning for effective training: A guide to curriculum development. Food and Agricultural Organization of the United Nation.
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo & Dự án Giáo dục Đại học Việt Nam - Hà Lan (2009). Sổ tay giảng viên POHE. Hà Nội.
- [6] Judy Mc Kimn (2003). Curriculum design and development. Truy cập từ <<http://www.faculty.londondeanery.ac.uk/e-learning/>>.

FOREIGN LANGUAGE CURRICULUM IMPLEMENTATION IN THE PROFESSIONAL ORIENTED DIRECTION

Vũ Thị Quỳnh Dung¹

¹*Faculty of Foreign Languages, Hung Vuong University, Phu Tho*

Abstract

Professional oriented training is a compulsory mission of universities in the context that many graduates do not meet the requirement of the employers. This direction not only enables students to accumulate enough knowledge but also to access and practice essential career skills so as to join the world of work right after graduation. The article is aimed at giving some suggestions how to implement the curricular of English and Chinese Language majors according to two directions: Interpretation - Translation in combine with Office - oriented training and Tourism so that students of these have competence to work in the global settings.

Keywords: *Curriculum implementation, foreign languages, professional orientation, solutions.*